

XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC VÀ ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN MỘT SỐ NĂNG LỰC TRONG MÔN NGỮ VĂN Ở TRƯỜNG PHỔ THÔNG

NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: nhvan1965@gmail.com

Tóm tắt: Phát triển chương trình giáo dục phổ thông theo hướng tiếp cận năng lực là xu thế phát triển chương trình trên thế giới hiện nay và cũng là một trong những quan điểm tiếp cận phát triển chương trình giáo dục phổ thông mới của Việt Nam. Bài viết mô tả một số năng lực cần hướng đến trong việc phát triển chương trình môn Ngữ văn ở nhà trường phổ thông, đó là năng lực sáng tạo, năng lực thẩm mĩ theo các bước: xác định quan niệm về năng lực, các thành tố cấu trúc và phác thảo đường phát triển của từng năng lực. Theo tác giả, để việc dạy và học Ngữ văn ở trường phổ thông có hiệu quả, cần xác định những nhiệm vụ học tập cụ thể tương ứng với mỗi mức độ năng lực theo từng lớp; đồng thời xây dựng các tiêu chí chất lượng và đánh giá được các biểu hiện năng lực. Bên cạnh đó, cần nghiên cứu để chuẩn hóa trong việc xác định quan niệm, cấu trúc và đường phát triển các năng lực trong quá trình xây dựng, triển khai chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn thời gian tới.

Từ khóa: Cấu trúc; đường phát triển năng lực; môn Ngữ văn; trường phổ thông.

(Nhận bài ngày 02/01/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày /02/2017; Duyệt đăng ngày 25/02/2017).

1. Đặt vấn đề

Phát triển chương trình (CT) giáo dục phổ thông (GDPT) theo hướng tiếp cận năng lực là xu thế phát triển CT trên thế giới hiện nay và cũng là một trong những quan điểm tiếp cận phát triển CT GDPT mới của Việt Nam. Theo các quan điểm đã được thống nhất, *năng lực là sự kết hợp một cách linh hoạt và có tổ chức kiến thức, kĩ năng với thái độ, tình cảm, giá trị, động cơ cá nhân, ... nhằm thực hiện có hiệu quả một hoạt động với yêu cầu phức hợp trong bối cảnh nhất định*. Trong dự thảo CT GDPT tổng thể của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xác định hệ thống năng lực cốt lõi là những năng lực cơ bản mà mọi người lao động và người học đều cần phải có và cần được rèn luyện trong nhà trường, trong đó có những năng lực chung liên quan đến nhiều môn học và những năng lực đặc thù là thế mạnh của từng môn học. Do vậy, khi xây dựng CT các môn học nói chung, môn Ngữ văn nói riêng, cần xác định được những năng lực cơ bản mà môn học đó có thể góp hình thành và phát triển cho người học.

Theo kinh nghiệm của các nước, khi xác định các năng lực trong môn học, cần thể hiện được: quan niệm về năng lực, các thành tố của năng lực, các chỉ số biểu hiện cụ thể của từng thành tố và theo các mức độ khác nhau, từ đó thiết lập đường phát triển năng lực. Đây chính là cơ sở để xác định mạch nội dung và thiết lập chuẩn đầu ra năng lực của môn học.

Vận dụng định hướng trên vào môn học Ngữ văn, trong bài viết này chúng tôi tập trung lựa chọn và mô tả hai năng lực cơ bản cần và có thể hướng đến trong việc phát triển CT môn học này, đó là *năng lực sáng tạo, năng lực thẩm mĩ* theo các bước: xác định quan niệm về năng lực, các thành tố cấu trúc và phác thảo đường phát triển

của từng năng lực.

2. Cấu trúc và đường phát triển năng lực thẩm mĩ trong môn Ngữ văn

Thẩm mĩ là khái niệm thuộc phạm trù mĩ học, liên quan đến sự cảm nhận và thể hiện bản chất của cái đẹp, của nghệ thuật và gắn với tình cảm, cảm xúc của con người. Theo cách hiểu trên, năng lực thẩm mĩ được dùng với hàm nghĩa nói về chỉ số nhận thức và cảm xúc của mỗi cá nhân đối với những hiện tượng thẩm mĩ trong đời sống, thể hiện "trạng thái rung động trực tiếp của con người trước các hiện tượng thẩm mĩ khách quan trong thế giới tự nhiên, trong đời sống và trong nghệ thuật" (Wikipedia). Chỉ số này mô tả khả năng tự nhận thức để xác định, đánh giá, bày tỏ cảm xúc của mỗi người trước cái đẹp của con người và thế giới xung quanh và khả năng tái tạo, sáng tạo những sản phẩm mang tính thẩm mĩ. Cảm xúc thẩm mĩ bộc lộ toàn bộ thế giới tâm hồn cũng như cá tính và trải nghiệm của một con người, biểu hiện những rung động của chủ thể thẩm mĩ trước đối tượng thẩm mĩ; đồng thời là dấu hiệu rõ nhất xác nhận sự tồn tại trên thực tế mối quan hệ thẩm mĩ của con người đối với sự vật, hiện tượng trong cuộc sống cũng như với những người xung quanh.

Về các biểu hiện của năng lực thẩm mĩ, có nhiều cách trình bày khác nhau, song nhìn chung các quan điểm đều thống nhất như sau: 1/ Nhận thức được cái đẹp của thiên nhiên, con người và nghệ thuật; 2/ Bày tỏ, chia sẻ xúc cảm của cá nhân trước những biểu hiện của cuộc sống từ phương diện thẩm mĩ; 3/ Làm chủ những liên hệ, những giá trị thẩm mĩ của con người và cuộc sống; 4/ Đề xuất được ý tưởng, sáng tạo được các sản phẩm có tính thẩm mĩ.



Môn Ngữ văn là môn học thuộc lĩnh vực giáo dục thẩm mỹ. Thông qua việc tiếp cận với tiếng Việt văn hóa và những hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm văn học (TPVH), học sinh (HS) được bồi dưỡng năng lực tưởng tượng, sáng tạo, làm giàu cảm xúc thẩm mỹ và định hướng thị hiếu lành mạnh nhằm hoàn thiện nhân cách của mình. Năng lực thẩm mỹ trong môn Ngữ văn được thể hiện ở những phương diện chính sau:

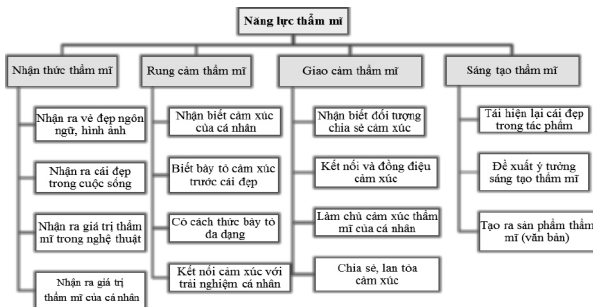
- Nhận ra được vẻ đẹp của tiếng Việt, biết rung động trước những hình ảnh, hình tượng được khơi gợi trong các tác phẩm về thiên nhiên, con người, cuộc sống qua ngôn ngữ nghệ thuật.

- Nhận ra được những giá trị thẩm mỹ được thể hiện trong TPVH: cái đẹp, cái xấu, cái hài, cái bi, cái cao cả, cái thấp hèn,... đánh giá được tính thẩm mỹ và giá trị văn hoá của các sự vật, hiện tượng, quá trình trong tự nhiên, đời sống xã hội và nghệ thuật.

- Nhận thức được những giá trị của bản thân qua việc cảm hiểu TPVH; hình thành và nâng cao nhận thức và xúc cảm thẩm mỹ của cá nhân; có những hành vi đẹp đối với bản thân và các mối quan hệ xã hội; hình thành thể giới quan thẩm mỹ cho bản thân qua việc tiếp nhận TPVH.

- Giới thiệu được biểu hiện của cái đẹp trong tự nhiên, trong đời sống xã hội, trong nghệ thuật; chia sẻ cảm xúc với người khác; đề xuất được ý tưởng, sáng tạo được các sản phẩm có tính thẩm mỹ mang dấu ấn cá nhân.

Từ những biểu hiện trên, vận dụng các quan điểm về năng lực và quá trình thao tác hóa năng lực, có thể mô tả cấu trúc năng lực thẩm mỹ theo các thành phần như sau: 1/ Nhận thức về cái đẹp; 2/ Thể hiện rung cảm của cá nhân trước; 3/ Chia sẻ, giao lưu với người khác về cái đẹp; 4/ Sáng tạo những sản phẩm mang tính thẩm mỹ. Mỗi thành phần trên lại tiếp tục được mô tả thông qua các chỉ số hành vi. Sơ đồ 1 dưới đây mô tả khái quát 15 chỉ số hành vi của năng lực thẩm mỹ trong môn Ngữ văn:



Sơ đồ 1: Mô hình cấu trúc năng lực thẩm mỹ trong môn Ngữ văn

Sắp xếp các chỉ số hành vi trong mô hình cấu trúc trên, có thể xác định đường phát triển năng lực thẩm mỹ trong môn Ngữ văn theo 5 mức độ khái quát như sau (Bảng 1).

Việc xác định và mô tả đường phát triển năng lực theo bảng trên là căn cứ để lựa chọn nội dung dạy học

Bảng 1: Mô tả mức độ năng lực thẩm mỹ trong môn Ngữ văn

Mức độ	Biểu hiện
5. Khám phá, sáng tạo thẩm mỹ	HS có thể đề xuất được ý tưởng và cảm nhận riêng về cái đẹp, tạo lập được các sản phẩm (văn bản nói, viết) đảm bảo tính thẩm mỹ; hình thành thế giới quan thẩm mỹ cho bản thân qua việc tiếp cận các giá trị thẩm mỹ của đời sống và tiếp nhận TPVH.
4. Làm chủ, lan tỏa cảm xúc thẩm mỹ	HS nhận ra được những giá trị của bản thân qua việc cảm hiểu TPVH; hình thành và nâng cao nhận thức và xúc cảm thẩm mỹ của cá nhân; chia sẻ với người khác về cảm xúc trước cái đẹp của tác phẩm và những hành vi đẹp đối với bản thân.
3. Khái quát giá trị thẩm mỹ	HS có thể phân tích, đánh giá được tính thẩm mỹ, giá trị văn hoá của các sự vật, hiện tượng được thể hiện trong các văn bản nghệ thuật; biết diễn tả cảm xúc của cá nhân về vẻ đẹp của hình ảnh, hình tượng nghệ thuật.
2. Bày tỏ tình cảm thẩm mỹ	HS có cảm xúc trước các hiện tượng thẩm mỹ trong tự nhiên, đời sống xã hội và TPVH; tái hiện được cái đẹp trong tự nhiên, trong đời sống xã hội bằng phương tiện phù hợp; có nhu cầu chia sẻ cảm xúc thẩm mỹ với những người xung quanh.
1. Nhận diện các yếu tố thẩm mỹ	HS có thể nhận ra được những biểu hiện của cái đẹp qua từ ngữ, và những dấu hiệu cụ thể; tiếp nhận được thông tin trao đổi về vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng thế giới xung quanh và trong các TPVH.

phù hợp với từng giai đoạn học tập, đồng thời là cơ sở để xây dựng chuẩn đầu ra của môn học. Tuy nhiên, cần lưu ý là sự phân biệt giữa các mức độ cũng mang tính tương đối, trên thực tế HS có thể đạt được các mức độ cao hơn mức 5 (đối với HS xuất sắc) hoặc thấp hơn mức 1. Do vậy, nếu đưa các mức độ trong bảng mô tả trên sơ đồ phát triển thì có thể coi đường phát triển năng lực là một đường mở theo cả hai chiều lên và xuống theo các mức độ đạt được trên thực tế của các đối tượng người học.

3. Cấu trúc và đường phát triển năng lực sáng tạo trong môn Ngữ văn

Theo một số kết quả nghiên cứu, năng lực sáng tạo được hiểu là sự thể hiện khả năng của HS trong việc suy nghĩ và tìm tòi, phát hiện những ý tưởng mới nảy sinh trong học tập và cuộc sống, từ đó lựa chọn, đề xuất được phương thức, giải pháp mới và triển khai một cách thiết thực, hiệu quả để thực hiện ý tưởng. Trong việc đề xuất và thực hiện ý tưởng, HS bộc lộ tư duy độc lập, óc tò mò, niềm say mê và khát khao tìm hiểu khám phá.

Năng lực sáng tạo liên quan đến quá trình nhận thức và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn. Trong quá trình đó, khi đối mặt với một vấn đề, một tình huống của cuộc sống, mỗi HS cần tự xây dựng kiến thức, huy

động kĩ năng, tìm ra cách thức riêng để giải quyết vấn đề. Kết quả của quá trình đó là những ý tưởng được nảy sinh, những giải pháp, phương pháp được đề xuất và hiện thực hóa bằng những sản phẩm mới có giá trị, mang dấu ấn cá nhân.

Việc hình thành và phát triển năng lực sáng tạo cũng là một mục tiêu mà môn học Ngữ văn hướng tới. Năng lực này được thể hiện trong việc HS xác định các tình huống và những ý tưởng, đặc biệt những ý tưởng được gửi gắm trong các văn bản văn học, trong việc tìm hiểu, xem xét các sự vật, hiện tượng từ những góc nhìn khác nhau, trong cách thức trình bày suy nghĩ và cảm xúc của cá nhân trước một vẻ đẹp, một giá trị của cuộc sống. Năng lực sáng tạo còn thể hiện trong đó cả thái độ đam mê và khát khao được tìm hiểu của HS, không suy nghĩ theo lối mòn, theo công thức. Trong các giờ đọc hiểu văn bản văn học, một trong những yêu cầu cao là HS, với tư cách là người đọc, phải trở thành người đồng sáng tạo với nhà văn qua tác phẩm; tính sáng tạo thể hiện ở khả năng liên tưởng, tưởng tượng của cá nhân và khả năng độc lập trong cách suy nghĩ, tiếp cận vấn đề (khi có được những cách cảm nhận riêng, độc đáo về nhân vật, về hình ảnh, ngôn từ của tác phẩm; có cách trình bày, diễn đạt giàu sắc thái cá nhân trước một vấn đề đặt ra trong tác phẩm,...). Trong môn học Ngữ văn, năng lực sáng tạo được biểu hiện qua những phương diện sau:

- Biết đặt các câu hỏi khác nhau về một nhân vật, sự vật, hiện tượng để xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; phân tích kết nối những thông tin liên quan từ nhiều nguồn ngữ liệu khác nhau theo góc nhìn cá nhân để hình thành ý tưởng.

- Đề xuất được giải pháp, cách thức thực hiện ý tưởng dựa trên các nguồn thông tin đã cho; thể hiện những suy nghĩ riêng về các vấn đề và cách thức triển khai vấn đề (xã hội và văn học); so sánh và bình luận được về tác dụng, hiệu quả các ý tưởng được đề xuất.

- Có cách thể hiện riêng những cảm nhận, suy nghĩ của cá nhân về nhân vật, sự vật, hiện tượng trong văn học và cuộc sống; có cách thức riêng trong việc vận dụng điều đã biết vào tình huống, bối cảnh mới; quan tâm tới các lập luận và minh chứng thuyết phục.

- Có tư duy độc lập và khả năng truyền cảm hứng cho người khác; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; say mê, tìm tòi và luôn mong muốn được tìm hiểu, khám phá; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.

Từ những biểu hiện trên, có thể mô tả cấu trúc năng lực sáng tạo theo các thành phần như sau: 1/ Có ý tưởng, phát hiện mới; 2/ Đề xuất giải pháp mới để thực hiện ý tưởng; 3/ Lựa chọn được cách thức thể hiện mới mẻ, hấp dẫn; 4/ Có tư duy độc lập và say mê khám phá. Mỗi thành phần trên lại tiếp tục được mô tả thông qua các chỉ số hành vi theo sơ đồ 2.

Sắp xếp các chỉ số trong sơ đồ 2 ở trên theo mức độ từ thấp đến cao, có thể lập được bảng mô tả đường phát triển năng lực sáng tạo của HS trong môn học Ngữ văn như sau (Bảng 2).



Sơ đồ 2: Mô hình cấu trúc năng lực sáng tạo trong môn Ngữ văn

Bảng 2: Mô tả mức độ năng lực sáng tạo trong môn Ngữ văn

Mức độ	Biểu hiện
5. Say mê khám phá và theo đuổi ý tưởng, giải pháp mới	HS có thể theo đuổi nhiều ý tưởng mới trong việc cảm nhận vấn đề xã hội và văn học; có khám phá riêng, độc đáo, hấp dẫn trong cách thức trình bày; có khả năng thuyết phục người khác cùng đồng điệu với cảm xúc, suy nghĩ của cá nhân; có cách thức riêng trong việc vận dụng những hiểu biết về các vấn đề xã hội và văn học vào cuộc sống của bản thân.
4. Đánh giá ý tưởng, giải pháp	HS có thể đặt được nhiều câu hỏi có giá trị khi tiếp cận các vấn đề xã hội và văn học; biết xem xét vấn đề từ nhiều góc nhìn, không dễ dàng chấp nhận thông tin một chiều; không thành kiến khi xem xét, đánh giá vấn đề; có khả năng suy nghĩ độc lập để điều chỉnh, thay đổi phương án triển khai vấn đề; sẵn sàng xem xét, đánh giá lại vấn đề.
3. Chia sẻ và thực hiện giải pháp	HS có khả năng phát hiện yếu tố mới, tích cực trong những ý kiến của người khác khi giải quyết các vấn đề xã hội và văn học; có thể phân tích, tổng hợp được các ý kiến để lựa chọn cách thức triển khai phù hợp; xác định được các lập luận và minh chứng đáng tin cậy cho quá trình triển khai vấn đề.
2. Kết nối thông tin cá nhân và xác định giải pháp	HS có khả năng liên tưởng, tưởng tượng khi tiếp nhận các văn bản văn học; khả năng suy nghĩ và kết nối những thông tin liên quan từ nhiều nguồn tư liệu khác nhau để triển khai một vấn đề xã hội và văn học; có thể trao đổi, chia sẻ để bảo vệ hoặc điều chỉnh ý kiến cá nhân.
1. Nhận diện thông tin và đề xuất ý tưởng	HS có thể xác định được một số thông tin ban đầu và đề xuất ý tưởng mới đối với bản thân từ các nguồn tài liệu cho sẵn theo hướng dẫn; nêu được ý kiến của cá nhân về nội dung của văn bản; biết nêu câu hỏi theo nhu cầu cá nhân để tìm hiểu các thông tin khác nhau về nhân vật, sự vật, hiện tượng được thể hiện trong các văn bản được học, được đọc.



Theo các quan niệm về đường phát triển năng lực được mô tả trong các bảng trên, đối chiếu với các mức độ phát triển năng lực thì HS tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông có thể đạt tới mức 3, mức 4 và mức 5. Tất nhiên, với những HS xuất sắc, các em có thể đạt mức độ cao hơn, thậm chí vượt cả mức 5, song cũng có em chưa thể đạt được mức 1.

Qua việc mô tả hai năng lực trên, có thể thấy các biểu hiện của năng lực không hoàn toàn độc lập mà nhiều khi có sự giao thoa, do vậy khi triển khai một nội dung học tập cũng có thể tạo cơ hội để cùng hình thành và phát triển một số năng lực hoặc thành tố (hay thành phần) của năng lực.

4. Kết luận

Trên đây mới chỉ là những phác thảo ban đầu mang tính minh họa về cách thức xác định cấu trúc và đường phát triển một số năng lực cốt lõi trong môn học Ngữ văn ở nhà trường phổ thông. Trên thực tế, năng lực là một khái niệm trừu tượng, nên việc diễn giải và mô tả năng lực theo những biểu hiện cụ thể là một việc làm không dễ dàng. Để việc dạy và học có hiệu quả từ cấu trúc và đường phát triển trên, cần tiếp tục phân tích, xác định những nhiệm vụ học tập cụ thể tương ứng với mỗi

mức độ năng lực và theo từng lớp; đồng thời xây dựng các tiêu chí có chất lượng, có minh họa bằng các ví dụ cụ thể để có thể đánh giá được các biểu hiện năng lực. Bên cạnh đó, cần tiếp tục nghiên cứu để chuẩn hóa trong việc xác định quan niệm, cấu trúc và đường phát triển các năng lực trên cũng như một số năng lực khác trong quá trình xây dựng và triển khai CT GDPT môn Ngữ văn thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2016), *Dự thảo Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*.
- [2]. Nguyễn Thị Lan Phương, (2015), *Xây dựng chuẩn đánh giá năng lực đọc hiểu và năng lực giải quyết vấn đề*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3]. Nguyễn Thị Lan Phương, (2016), *Chương trình tiếp cận năng lực và đánh giá năng lực người học*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4]. Đỗ Ngọc Thống, (2011), *Chương trình Ngữ văn trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [5]. Hoàng Thị Hòa Bình, (2015), *Dạy học Ngữ văn trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.
- [6]. *Wikipedia tiếng Việt*.

DEFINING STRUCTURE AND DEVELOPMENT PATH OF COMPETENCES IN VIETNAMESE LANGUAGE SUBJECT AT GENERAL SCHOOLS

Nguyen Thi Hong Van
The Vietnam Institute of Educational Sciences
Email: nhvan1965@gmail.com

Abstract: *Developing general curriculum towards competence is an international trend and one of new Vietnamese perspective approach. The article describes some necessary competencies to develop Vietnamese language curriculum at secondary schools, namely: creative competence, aesthetic competence according to steps: determining concept of competence, its structural elements and outline of each competence. According to the author, to get the effective Vietnamese language teaching and learning at general schools, we must identify specific learning tasks corresponding to levels of competence in each grade; and develop quality criteria and assess expression of competence. In addition, research should be carried out to standardize in defining the concept, structure and development path of competence in the process of developing and implementing general curriculum in Vietnamese language subject in the near future.*

Keywords: *Structure; development path of competence; Vietnamese language subject; secondary schools.*